

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-PT

Ngày 19-02-2020

V/v tranh chấp hợp

đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Tuấn Khải

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 161/2019/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tống Văn H, sinh năm 1958;

Địa chỉ cư trú: Ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: 37C/1A, ấp Gò Cao, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Mai Thanh N, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Địa chỉ liên lạc: 43 Ô 6, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Tống Văn H, nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và phần trình bày của nguyên đơn, ông Tống Văn H như sau:

Ông Tống Văn H có cho bà Lê Thị M vay tiền trong nhiều lần, cụ thể:

Ngày 16/5/2018 ông cho bà M vay 12.000.000 đồng;

Ngày 23/5/2018 cho vay 13.500.000 đồng;

Ngày 02/6/2018 cho vay 10.000.000 đồng;

Ngày 27/6/2018 cho vay 18.000.000 đồng;

Ngày 05/7/2018 cho vay 16.000.000 đồng;

Ngày 10/7/2018 cho vay 12.500.000 đồng;

Ngày 18/7/2018 cho vay 15.000.000 đồng;

Ngày 25/7/2018 cho vay 9.000.000 đồng;

Ngày 30/7/2018 cho vay 11.000.000 đồng;

Ngày 10/8/2018 cho vay 13.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông H xác định lại tất cả các lần cho bà M vay tiền trên mục đích để bà M chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và để đặt cọc mua đất.

Tổng cộng số tiền vay là 130.500.000 đồng. Tuy nhiên nay ông chỉ yêu cầu chẵn số tiền là 130.000.000 đồng. Lý do cho bà M vay tiền là vì giữa các bên quen biết, bạn bè, bà M có nhờ ông chỉ người mua đất giùm bà M và làm giấy tờ thủ tục để nhận tiền hoa hồng.

Thời hạn cho vay, thỏa thuận khi nào bà M bán được đất thì trả tiền cho ông. Về lãi suất, các bên không thỏa thuận lãi suất.

Khi cho vay do tin tưởng nên các bên không làm giấy tờ cũng không có ai chứng kiến. Tuy nhiên, sau ngày 10/8/2018 bà M hỏi mượn ông 25.000.000 đồng để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm bán đất nhưng ông không đồng ý, ông có ghi âm lại đoạn nói chuyện qua điện thoại với bà M, trong đoạn ghi âm bà M có thừa nhận mượn ông, cụ thể: “...Bây giờ nội phần ông là hết trăm mấy rồi, nợ nần một trăm mấy rồi...” và “.. nội phần ông hết trăm mấy triệu trả nợ rồi..”.

Nay ông Tống Văn H yêu cầu bà Lê Thị M trả số tiền vay là 130.000.000 đồng. Bà M có chồng con, tuy nhiên ông chỉ yêu cầu một mình bà M trả nợ vì bà M là người trực tiếp mượn tiền của ông.

Bị đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Lý do: Bà M không vay mượn tiền của ông H như ông H trình bày. Về đoạn ghi âm mà ông H cung cấp, đúng là giọng nói của bà M, nội dung nói chuyện giữa bà M và ông H về việc: Bà M hỏi mượn ông H 25.000.000 đồng để trả nợ chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm bán đất nhưng ông H không đồng ý; Trong đó bà M có nói “Về phần ông trăm mấy rồi” là tiền hứa đưa nếu ông H môi giới bán đất giùm bà M, tuy nhiên sau đó ông H không môi giới bán đất được. Ngoài ra trong đoạn ghi âm ông H dịch lại không hoàn toàn chính xác.

Tại biên bản đối chất, bà M có trình bày giữa bà M và ông H có quen biết quan hệ nam nữ từ năm 2008 đến nay, ông H có lần mua đồ ăn cho bà M, nay không quen biết nữa nên đòi lại tiền, bà M xác định đây là tiền mua đồ ăn. Các bên không có quan hệ bà con nên không tự nhiên ông H cho bà M mượn tiền trong nhiều lần.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 161/2019/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tống Văn H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lê Thị M.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 15/10/2019, ông Tống Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử tuyên sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông H không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và có ý kiến trình bày như sau:

Ông Tống Văn H trình bày: Ông và cha của bà M là chỗ thân quen nên đã nhiều lần ông cho bà M vay tiền để bà M có thêm tiền đặt cọc mua bán đất, mỗi lần vay khoảng mười mấy triệu đồng và không lập biên nhận. Tổng cộng ông cho vay 10 lần với số tiền 130.500.000đ nhưng ông chỉ đòi số chẵn là 130 triệu đồng. Chứng cứ chứng minh cho việc vay này là đoạn ghi âm giọng nói của bà M thể hiện: “...*Bây giờ nội phần ông là hết trăm mấy rồi, nợ nần một trăm mấy rồi...*” và “..*nội phần ông hết trăm mấy trả nợ rồi..*”. Bà M cho rằng không có nợ ông một trăm mấy chục triệu thì tại sao lại nói như vậy, lời nói này của bà M cho thấy bà đã thừa nhận nợ ông tiền. Bà M không chứng minh được nội dung đoạn ghi âm này chính là việc bà M đồng ý trả hoa hồng môi giới đất cho ông và ông cũng không hề môi giới bán đất dùm cho bà M, ông chỉ làm thủ tục chuyển quyền mua bán đất. Việc vào ngày 10/8/2018 bà M có hỏi ông vay 25 triệu đồng nhưng ông không cho cũng không có nghĩa là bà M không có vay 10 lần trước đó. Với những chứng cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm.

Ông Mai Thanh N trình bày: Ông H là người khởi kiện phải có nghĩa vụ chứng minh rằng bà M có vay 10 lần tiền như ông H khai. Còn việc Hội đồng xét xử yêu cầu ông giải thích đoạn ghi âm có nội dung: “..*nội phần ông hết trăm mấy trả nợ rồi..*” thì hôm nay ông không mang theo bản dịch nội dung ghi âm (do bà M dịch) nên ông không giải thích rõ được. Ngoài ra, ông vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Ông H cho rằng có cho bà M vay một trăm mấy chục triệu đồng được thể hiện qua đoạn ghi âm giọng nói của bà M thừa nhận là “...*Bây giờ nội phần ông là hết trăm mấy rồi, nợ nần một trăm mấy rồi...*” và “...*nội phần ông hết trăm mấy trả nợ rồi...*”. Tuy nhiên, với nội dung này không thể hiện được bà M có vay của ông H 10 lần với số tiền 130.500.000đ trong khi bà M hoàn toàn không thừa nhận có việc vay tiền mà cho rằng đoạn ghi âm là cuộc trao đổi giữa bà và ông H, là sự thừa nhận của bà rằng sẽ trả hoa hồng cho ông H khi ông H môi giới đất thành chứ không phải bà thừa nhận thiếu nợ ông H. Xét với tình tiết nêu trên là không đủ cơ sở chứng minh có việc vay tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông H. Cấp sơ thẩm xử bác đơn khởi kiện của ông H là có căn cứ, ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì thêm nên đề nghị bác kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của ông Tống Văn H làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Tống Văn H thấy rằng:

[3] Ông H khởi kiện và kháng cáo yêu cầu bà M phải trả cho ông số tiền vay 130 triệu đồng, ông cho rằng việc vay mượn giữa hai bên từ ngày 16/5/2018 đến ngày 10/8/2018 là 10 lần với tổng số tiền là 130.500.000đ nhưng ông chỉ yêu cầu trả 130 triệu đồng. Chứng cứ ông H cung cấp cho Tòa án là đoạn ghi âm giọng nói của bà M được bà M thừa nhận có câu là: “...*Bây giờ nội phần ông là hết trăm mấy rồi, nợ nần một trăm mấy rồi...*” và “...*nội phần ông hết trăm mấy trả nợ rồi...*”. Ngoài ra, ông H không cung cấp thêm chứng cứ nào khác cho Tòa án.

[4] Xét thấy, với nội dung câu nói trong đoạn ghi âm nêu trên, thì không thể hiện được rằng bà M có vay của ông H 10 lần với số tiền 130.500.000đ mà trong câu đầu chỉ thể hiện “*phần của ông H là một trăm mấy, nợ nần một trăm mấy*” nhưng cũng không thể hiện được nội dung của câu này có nghĩa là gì; còn câu sau cũng không xác định được nội dung của câu này có nghĩa là gì. Trong khi bà M hoàn toàn không thừa nhận có việc vay tiền mà cho rằng đoạn ghi âm là cuộc trao đổi giữa bà và ông H, là sự thừa nhận của bà rằng sẽ trả hoa hồng cho ông H khi ông H môi giới đất thành chứ không phải bà thừa nhận thiếu nợ ông H. Thấy rằng, với các tình tiết và chứng cứ do ông H trình bày và cung cấp thì không đủ cơ sở để chứng minh có việc bà M đã vay của ông H 130.500.000đ như đơn khởi kiện của ông H. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nêu ra những nhận định để xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở, ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì khác nên không chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông H được miễn án phí phúc thẩm.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tống Văn H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tống Văn H về việc yêu cầu bà Lê Thị M phải trả số tiền vay là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Ông Tống Văn H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện;
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc